TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Bùi Đức Khoa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H; Nơi cư trú: Thôn 10, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; Nơi cư trú: Thôn 10, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Văn T do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 02 năm 2004. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn 10, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra va chạm

cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 01 năm 2023 chị đã bỏ về cư trú cùng với bố mẹ đẻ chị ở cùng thôn 10, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh T không đến tìm chị, chị cũng không lần nào trở về đoàn tụ cùng anh T. Từ tháng 01 năm 2023 đến nay chị và anh T sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn T có ba con chung là Bùi Thanh T2, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2004; Bùi Thanh M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2006 và Bùi Thanh L1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016. Hiện tại các con chung Bùi Thanh M và Bùi Thanh L1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao các con chung Bùi Thanh M và Bùi Thanh L1 cho chị nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Bùi Thanh T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh T đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết việc chị Đào Thị H xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đào Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Bùi Thanh L1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016; Giao cho anh T nuôi dưỡng con chung Bùi Thanh M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2006 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Đào Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Văn T hiện đang cư trú tại thôn 10, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 02 năm 2004, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tuy anh Bùi Văn T không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh T về việc chị Đào Thị H xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Đào Thị H và anh Bùi Văn T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Đào Thị H và anh Bùi Văn T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Đào Thị H đối với anh Bùi Văn T.

[5] Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn T có ba con chung là Bùi Thanh T2, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2004; Bùi Thanh M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2006 và Bùi Thanh L1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016. Chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng các con chung Bùi Thanh M và Bùi Thanh L1. Anh T không có quan điểm về con chung. Con chung Bùi Thanh M có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện tại chị H và anh T đều là lao động tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T như nhau. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý. Con chung Bùi Thanh L1 nhỏ hơn nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cho chị H nuôi dưỡng; Con chung Bùi Thanh M lớn hơn lại có nguyện vọng được ở với bố nên giao cho anh T nuôi dưỡng. Các con chung hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, nên buộc anh T phải giao con chung Bùi Thanh L1 cho chị H nuôi dưỡng. Đối với con chung Bùi Thanh T2, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án

không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Đào Thị H là nguyên đơn nên chị Đào Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thanh L1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Thanh M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2006 cho anh Bùi Văn T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Bùi Văn T phải giao con chung Bùi Thanh L1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng.

Đối với con chung Bùi Thanh T2, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Đào Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008580 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Đào Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã L, huyện T12, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 23 tháng 02 năm 2004);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế